

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST
Ngày 07/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH T

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn S và Bà Vi Thị H.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết M, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn C- Kiểm sát viên.

Ngày 07/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 22/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HS ngày 11/11/2021; Quyết định hoãn phiên Tòa số: 11/2021/HSST-QĐ ngày 19/11/2021 đối với bị cáo:

Giàng Thị C; sinh năm: 1969. Quê quán: Xã Kim Bon, huyện P, tỉnh S. Nơi cư trú: Bản Sài Khao, xã Mường Lý, huyện M, tỉnh T. Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Giàng A G, con bà: Giàng Thị S (Bố, mẹ bị cáo đều đã chết); Chồng: Vàng A D, sinh năm: 1976. Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1997 và con nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án; Tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 04/6/2021, chuyển tạm giam ngày 11/6/2021 tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh T đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch: Lâu Văn Q; Dân tộc: Mông; Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện M, tỉnh T.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K- Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 5 năm 2021, bị cáo đang ở nhà tại bản Sài Khao, xã Mường Lý, huyện M, tỉnh T thì có một người phụ nữ, nói tiếng dân tộc mông, bị

cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ vào nhà. Bị cáo đã hỏi và mua với người phụ nữ này tổng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền ma túy, trong đó loại Heroine mua 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), Methamphetamine mua 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) và mua nợ 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) nhựa thuốc phiện. Sau khi mua được bị cáo đã chia số ma túy này thành nhiều phần, nhiều gói khác nhau bọc lại bằng túi nilon, một số cất vào túi vải màu đen mang theo trên người, một số cất trên đầu giường ngủ để vừa sử dụng vừa bán. Đến 09 giờ ngày 04/6/2021, có Phàng Thị M sinh năm 1962 ở cùng bản đến nhà bị cáo hỏi mua ma túy đồng thời xin làm thuê cho nhà bị cáo, bị cáo đã bán cho M một viên hồng phiến với số tiền 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*). Bị cáo nhận tiền và cất vào túi vải đeo trên người rồi lên giường nằm, còn M vào bếp nhà bị cáo để sử dụng mà không nói gì với bị cáo, bị cáo không để ý là M đi đâu, làm gì. M sử dụng ma túy xong đi đến giường của bị cáo đang nằm thì bị tổ công tác Công an huyện M vào kiểm tra, thu giữ trên tay trái bị cáo 01 túi nilon màu hồng bên trong chứa 28 (*hai tám*) viên hồng phiến (Methamphetamine); 03 gói nilon màu vàng bên trong chứa các cục bột màu trắng là Heroine. Tiếp tục kiểm tra thì phát hiện và thu giữ thêm tại đầu giường ngủ của bị cáo có túi nilon màu xanh, bên trong chứa 118 (*một một tám*) viên màu hồng, 03 (*ba*) viên màu xanh; thu tiếp 01 túi nilon màu vàng bên trong chứa bột trắng là Heroine; gói nilon màu đen bên trong có 36 (*ba sáu*) gói nilon màu vàng, trong các gói này chứa chất bột màu trắng là Heroine; túi nilon màu trắng bên trong chứa chất dẻo màu đen là nhựa thuốc phiện và thu thêm 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*) số tiền bị cáo vừa bán ma túy cho Phàng Thị M. Bị cáo khai những tang vật trên là ma túy, gồm Heroine, hồng phiến (Methamphetamine) và nhựa thuốc phiện bị cáo mua được cách đó khoảng 06 (*sáu*) ngày trước để vừa sử dụng vừa bán, tổ công tác tuyên bố bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật liên quan và đưa người về UBND xã Mường Lý làm việc.

Tại bản kết luận giám định số: 1857/PC09, ngày 08 tháng 6 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận:

28 (hai tám) viên màu hồng, hình trụ tròn, trên bề mặt mỗi viên ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong, ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 3,039g (ba phẩy không ba chín gam), loại: Methamphetamine;

Các cục chất bột màu trắng, dạng nén của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 0,214g (không phẩy hai một bốn gam), loại: Heroine.

118 (một một tám) viên nén hình trụ tròn, màu hồng trên bề mặt mỗi viên ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 12,395g (một hai phẩy ba chín năm gam), loại: Methamphetamine;

03 (ba) viên nén hình tròn, màu xanh của phong bì niêm phong, ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 0,306g (không thấy ba không sáu gam), loại: Methamphetamine;

Cục bột màu trắng, dạng nén đựng trong một gói nilon màu vàng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,754g (hai thấy bảy năm bốn gam), loại: Heroine;

Các cục bột dạng nén màu trắng đựng trong 36 (ba sáu) gói nilon màu vàng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,857g (Hai thấy tám năm bảy gam), loại: Heroine;

Các cục bột dạng nén màu trắng đựng trong 03 (ba) gói nilon màu hồng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 cũng là ma túy, có tổng khối lượng 0,235g (không thấy hai ba năm gam), loại: Heroine;

Chất dẻo màu đen trong phong bì niêm phong, ký hiệu M2 gửi giám định là nhựa thuốc phiện, có tổng khối lượng 18,414g (một tám thấy bốn một bốn gam)

Do Heroine và Methamphetamine bị cáo tàng trữ để mua bán đều cùng một điểm của khoản 2, Điều 251 BLHS, nên sẽ được cộng dồn và tổng trọng lượng bị can tàng trữ là **21,800** gam, trong đó (6,06g Heroine + 15,74g Methamphetamine).

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Heroine và Methamphetamine so với mức tối thiểu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS là: **72,66%** (21,800g so với 30g).

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 251 BLHS là: **1,84%** (18,414g so với 1000g).

Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine; nhựa thuốc phiện và Heroine là: **74,5%** (dưới 100%).

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Bản cáo trạng số: 46/CT-VKS-MT ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy, thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo khẳng định không ai sù dục hay ép buộc nhận tội thay người khác; Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm p khoản 2 Điều 251 BLHS;

Về hình phạt:

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo từ **08 (Tám)** năm đến **08 (Tám)** năm **06 (Sáu)** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm trông trọt, thu nhập thấp nên không có tính khả thi.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không kìm chế được bản thân nên đã cố tình phạm tội. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Ý kiến người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Người bào chữa cho rằng: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS, xử mức án từ **07** năm **06** tháng đến **08** năm tù, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ý kiến bị cáo: Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện M, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:*

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo tàng trữ 03 chất ma túy, trong đó **6,06g** Heroine + **15,74g** Methamphetamine và **18,414g** (*một tám phẩy bốn một bốn gam*) nhựa thuốc phiện.

Do Heroine và Methamphetamine đều cùng một điểm của khoản 2 Điều 251 BLHS nên sẽ được cộng dồn, tổng là **21,800g** (*Hai một phẩy tám trăm gam*),

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Heroine và Methamphetamine so với mức tối thiểu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS là: **72,66%** (21,800g so với 30g).

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 BLHS là: **1,84%** (18,414g so với 1000g).

Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Heroine, Methamphetamine và nhựa thuốc phiện là: **74,5%** (dưới 100%).

Mục đích đem về bị cáo tàng trữ để mua bán đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước. Hiện nay ma túy đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về tác hại của nó, ma túy là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy để bán kiếm lời là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Với tính chất vụ án, hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mùong Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; Mặt khác, bị cáo không biết chữ, gia đình thuộc hộ nghèo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Với các tình tiết này HĐXX xem xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện sự nghiêm minh nhưng cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] *Xét về hình phạt:*

Hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là chưa phù hợp. Xét lời đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt cho bị cáo đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung nên HĐXX chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm trồng trọt thu nhập không ổn định, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình là hộ nghèo. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung và không phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

Số ma túy còn lại sau giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành cần tịch thu, tiêu hủy.

Túi vải bị cáo dùng đựng ma túy là tang vật vụ án, đã qua sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

50.000đ (Năm Mươi nghìn đồng) thu của bị cáo là tiền bị cáo bán ma túy mà có, cần tịch thu sung công quỹ Nhà Nước.

Tang vật của vụ án hiện đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện M, tỉnh T.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo được miễn án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

- Đối với người phụ nữ dân tộc Mông đã bán ma túy cho bị cáo vào cuối tháng 5/2021, bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể người này, sự việc diễn ra chỉ có bị cáo và người phụ nữ kia biết, nên không đủ điều kiện và căn cứ để xác minh, xử lý.

- Đối với Phàng Thị M tuy không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự, nhưng đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 04/6/2021. Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 11/QĐ-XPHC ngày 28/9/2021 với mức phạt 750.000Đ, theo quy định tại khoản

1, Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 về lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng chống bạo lực gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật:

Căn cứ: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm p khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Căn cứ: Điều 135, Điều 136BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về tội danh:

Tuyên: Giàng Thị C phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử bị cáo **07(Bảy)** năm **06 (Sáu)** tháng tù
Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ (04/6/2021).
- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về tang vật:

-Tịch thu tiêu hủy:

Phong bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên: Nguyễn Trần Đ, Trần Thị Thúy H và Vũ Văn N cùng các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

Túi vải màu đen, có dây đeo, đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (*một*) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*), đựng trong phong bì màu trắng của Công an tỉnh T, đóng dấu niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự, có 03 chữ ký và chữ viết của Lê Thị Bích N, 03 chữ ký và viết của Vũ Văn N.

Vật chứng kể trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh T, theo Quyết định chuyển vật chứng số 37/QĐ-VKS-ML, ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Biên bản giao nhận vật

chứng số:06/NK2022, ngày 21/10/2021 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh T.

Về án phí: Bị cáo được miễn tiền án phí HSST.

Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai; có mặt bị cáo; người bào chữa cho bị cáo, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh T;
- VKS nhân dân H.M;
- VKS nhân dân tỉnh T;
- CQĐT Công an H. M;
- CQ THAHS - CA huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Mường Lý, Huyện M;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Ngô Thị T

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Sơn

Vi Thị Hương

Ngô Thị Thanh

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 20 ngày 27 tháng 5 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cường và Ông Lâu Văn Phía

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 7 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo: **Cử Thị Pàng**, sinh năm: 1955. Nơi cư trú: Bản Pa Búa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- *Căn cứ kết tội bị cáo:* Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm g, khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 điều 51; khoản 6 Điều 91 BLHS.

Tuyên: Cử Thị Pàng phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

HĐXX thống nhất, biểu quyết 3/3 thành viên.

- *Hình phạt và biện pháp tư pháp:* Xử phạt:

+ Hình phạt chính: Xử bị cáo **10 (Mười)** năm **06(sáu)** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (**13/01/2021**).

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

HĐXX thống nhất, biểu quyết 3/3 thành viên.

- *Về tang vật:* Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- Phong bì niêm phong mẫu vật là ma túy đã qua giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Vàng A Đơ, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến,

Lâm Tiến Dũng cùng các hình dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

HĐXX thống nhất, biểu quyết 3/3 thành viên.

Vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại kho tàng vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số: 20/QĐ-VKS-ML, ngày 6/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số 35/TV-CCTHADS ngày 6/5/2021 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

- *Về án phí*: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên: Bị cáo được miễn tiền án phí HSST theo quy định .

HĐXX thống nhất, biểu quyết 3/3 thành viên.

- *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Căn cứ Điều 331; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

HĐXX thống nhất, biểu quyết 3/3 thành viên.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

TP - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Cường Lâu Văn Phía

Ngô Thị Thanh